

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG GIAO TIẾP CHO TRẺ TỰ KỈ TRONG LỚP HỌC HÒA NHẬP Ở TRƯỜNG MẦM NON

**ThS. NGUYỄN THỊ THANH**

**Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương**

Trẻ tự kỉ (TTK) là trẻ bị mắc một tổ hợp những khiếm khuyết về thần kinh, dẫn đến những khó khăn trong giao tiếp, quan hệ xã hội, hành vi... và hoà nhập cộng đồng. Trong học tập hàng ngày ở trường, TTK không biết giao tiếp bằng lời với cô giáo, các bạn và mọi người xung quanh. Trẻ sống và hoạt động trong thế giới riêng, khó tiếp thu thông tin từ đối tượng giao tiếp... Số lượng TTK trên thế giới và ở Việt Nam ngày càng gia tăng. Theo số liệu của CDC (Trung tâm phòng, chống dịch bệnh), ở Mỹ có khoảng 1 trong 88 trẻ em đã được xác định với một rối loạn phổ tự kỉ. Ở Việt Nam, phòng khám của Bệnh viện Nhi Trung ương công bố số liệu TTK như sau: năm 2006 có 200 em, năm 2007 có 405 em, năm 2008 có 963 em, năm 2009 có 1015, và năm 2010 có 1676 TTK.

## **1. Những khó khăn trong giao tiếp của trẻ tự kỉ**

### **1.1. Khó khăn khi sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ**

#### **1.1.1. Thiếu sự tương tác mắt**

Khi giao tiếp, TTK không nhìn vào mặt của đối tượng giao tiếp, làm ảnh hưởng tới giao tiếp xã hội và khả năng bắt chước lời nói, đặc biệt trong việc phát âm cũng như sử dụng lời nói. Ở một số tình huống, trẻ lảng tránh, không nhìn vào mắt người khác khi trò chuyện để nhận biết khi nào tới phiên mình nói, khi nào nhường cho người khác, trẻ thường ngắt lời người khác đang nói, thỉnh thoảng đặt câu hỏi, nhưng không liên quan tới câu chuyện đang nói.

Trẻ không nhìn vào mắt người khác để có được thông tin, nhìn vào sự thay đổi nét mặt để đoán biết cảm xúc, thái độ, hiểu được người đối diện đang muốn nói điều gì và họ hài lòng hay không hài lòng.

Trẻ gặp khó khăn trong chia sẻ sự quan tâm, chú ý đến mọi người xung quanh, khi đưa ra những nhận định, nhận xét về hoàn cảnh, đồng thời trẻ cũng không thể hiểu được cảm xúc và mối liên hệ của các sự vật, hiện tượng. Ví dụ, khi thấy mẹ khóc, trẻ không hiểu tại sao mẹ mình lại khóc... Chính những thiếu hụt này làm cho TTK khó khăn khi tham gia xã hội, trở nên lạc lõng ở giữa đám đông khi hòa nhập cộng đồng.

#### **1.1.2. Cử chỉ điệu bộ**

Đa số TTK đều gặp khó khăn trong ngôn ngữ biểu cảm, trẻ không biết thể hiện ra ngoài những hành vi phi ngôn ngữ, không biết lắc đầu để tỏ vẻ không đồng ý, hay nhún mày để thể hiện sự khó chịu. Trẻ không hiểu những tín hiệu ngôn ngữ phụ như sự diễn tả bằng nét mặt và cử chỉ.

Một số cử chỉ mang tính phổ biến như nét mặt thể hiện sự chán ghét, sự xấu hổ, sự đồng cảm, nỗi

buồn, sự thân ái... trẻ không biết cách thể hiện trên khuôn mặt. Đây là một khiếm khuyết thực sự và gây ra rất nhiều trở ngại cho TTK trong việc học ngôn ngữ cũng như giao tiếp.

### **1.2. Khó khăn khi sử dụng ngôn ngữ**

#### **1.2.1. Giọng nói không có ngữ điệu**

Khi TTK biết nói thì giọng nói của trẻ không được tự nhiên. Một số trẻ giọng cao một cách không bình thường và cũng không biến đổi trầm bổng. Nếu có sự thay đổi thì trẻ lại lên xuống như hát một cách nhịp nhàng chứ không nhấn mạnh vào chữ cần nhấn mạnh.

#### **1.2.2. Dùng ngôn ngữ không đúng ngữ cảnh**

Trong cuộc sống hàng ngày, TTK thường dùng ngôn ngữ không đúng ngữ cảnh như: trẻ nói "ăn cơm", "uống nước", "đi chơi"... Trẻ đòi hỏi mà không cần biết thời điểm đó có thích hợp hay không.

#### **1.2.3. Nhại lời**

Có 2 mẫu nhại lời cơ bản: nhại lời ngay lập tức và nhại lời trì hoãn.

- Nhại lời ngay lập tức: Đây chính là kiểu nhại lời đầu tiên thường xuất hiện ở trẻ. Trẻ lặp lại một số lời nói vừa nghe được, trẻ nghe và giữ lời nói đó trong bộ nhớ ngắn hạn đủ lâu để có thể nhắc lại.

- Nhại lời trì hoãn xuất hiện khi trẻ lặp lại một số đoạn đối thoại đã nghe trong quá khứ. Đôi lúc, nhại lời trì hoãn hoạt động theo cách thay thế một cụm từ hoặc một đoạn bằng một từ đơn giản hơn.

Một số trẻ tự nhốt mình vào thế giới riêng, trẻ có biểu hiện ngồi lặng lẽ, thu mình hàng giờ, không quan tâm tới thế giới xung quanh, kể cả những người thân của mình.

Mỗi TTK có biểu hiện riêng, rất ít trẻ có đầy đủ những biểu hiện đặc điểm giao tiếp trên. Hiểu và có được những biện pháp phát triển kĩ năng giao tiếp (KNGT) cho TTK sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả quá trình chăm sóc giáo dục nhóm trẻ này.

## **2. Một số biện pháp phát triển kĩ năng giao tiếp cho trẻ tự kỉ**

Biện pháp phát triển kĩ năng giao tiếp cho TTK là những cách thức được lặp đi lặp lại nhằm giúp TTK có kĩ năng tốt hơn trong quá trình giao tiếp như kĩ năng sử dụng ngôn ngữ, kĩ năng diễn đạt ý nghĩ của mình...

Sau đây chúng tôi xin đề xuất một số biện pháp phát triển KNGT cho TTK:

### **2.1. Đánh giá mức độ giao tiếp hiện tại của trẻ**

Là quan sát, đánh giá có mục đích để giúp cho giáo viên và phụ huynh biết mức độ giao tiếp hiện tại của trẻ như thế nào: trẻ có nghe hiểu lời nói của người khác

không? Trẻ đã biết nói chưa? Trẻ nói được câu chưa? Trẻ có tham gia vào hoạt động hàng ngày với các bạn không?... Cuối cùng là đưa ra kết luận trẻ ở dạng nào? Mức độ nào? Đã có những kĩ năng giao tiếp nào?... Trên cơ sở đó, chúng ta tư vấn cho phụ huynh và đưa ra các biện pháp phát triển KNGT phù hợp.

### **2.2. Xây dựng kế hoạch phát triển kĩ năng giao tiếp cho trẻ**

Biện pháp này để ra mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu dài hạn, những phương pháp và cách thức tiến hành, người tham gia thực hiện mục tiêu phát triển KNGT cho TTK.

#### **2.3. Đưa TTK vào những nhóm nhỏ**

Giúp trẻ có được nhiều cơ hội giao tiếp với các bạn để trao đổi, trò chuyện với các bạn khác trong nhóm và có thể nhận được những phản hồi từ phía các bạn, mở rộng vốn từ và nhận thức cho trẻ, nhằm thúc đẩy quá trình hình thành và phát triển kĩ năng giao tiếp cho TTK.

#### **2.4. Khuyến khích, động viên TTK sử dụng ngôn ngữ nói và nói câu theo mẫu trong giao tiếp**

Trong hầu hết các hoạt động chơi, mỗi trẻ đều thực hiện nhiệm vụ riêng của mình để hoàn thành mục tiêu chung. Lời động viên, khích lệ của giáo viên dành cho TTK sẽ là động lực giúp các em hoàn thành nhiệm vụ. Rất nhiều TTK thiếu tự tin trong giao tiếp, vì vậy khi nhận được lời động viên, trẻ sẽ thấy tự tin hơn khi giao tiếp và trao đổi nhiệm vụ với bạn trong nhóm. Việc động viên, khuyến khích không nhất thiết diễn ra ở cuối cuộc chơi, mà ngay trong quá trình chơi của trẻ.

#### **2.5. Tạo ra các tình huống có vấn đề hàng ngày nhằm kích thích trẻ giao tiếp**

Đây là cách giáo viên tạo ra các tình huống có vấn đề trong cuộc sống hàng ngày buộc trẻ phải động não, nói, giao tiếp và tương tác với mọi người xung quanh. Thúc đẩy quá trình phát triển kĩ năng giao tiếp cho trẻ.

#### **2.6. Thiết lập mối quan hệ gần gũi, thân mật giữa cô giáo và các trẻ khác với TTK để giúp trẻ giao tiếp và sửa sai cho trẻ**

Đây là cách giáo viên quan tâm, yêu thương trẻ, xây dựng vòng tay bạn bè cho trẻ, giao nhiệm vụ cho các bạn bình thường trong lớp quan tâm, yêu thương TTK để tạo mối quan hệ gần gũi, thân thiết giữa cô giáo - trẻ - các bạn trong lớp, giúp TTK tự tin trong giao tiếp, nói nhiều hơn. Nếu trẻ sai thì cô giáo và các bạn cùng sửa cho trẻ.

#### **2.7. Xây dựng vòng tay bạn bè khuyến khích trẻ giao tiếp**

Xây dựng vòng tay bạn bè cho TTK trong lớp học hoà nhập sẽ tạo cơ hội cho trẻ hoà đồng, vui chơi, sinh hoạt trong môi trường lớp học. Nhóm bạn bè sẽ giúp trẻ xoá được những mặc cảm, trẻ cảm thấy mình được yêu thương, quý mến.

### **2.8. Giao nhiệm vụ cho trẻ trong từng hoạt động hàng ngày**

Việc giao nhiệm vụ cho TTK là cần thiết vì trẻ chưa chủ động trong hoạt động hàng ngày. Khi được giao nhiệm vụ, trẻ thấy mình có vai trò quan trọng và có trách nhiệm hơn; khi nhiệm vụ được hoàn thành, trẻ sẽ tự tin và thấy được vai trò của mình, lúc đó trẻ sẽ chia sẻ với những người xung quanh, trẻ được trải nghiệm bằng chính sự nỗ lực của mình. Cũng trong khi thực hiện nhiệm vụ trẻ sẽ có những thao tác nhất định, và như vậy khi trình bày một vấn đề nào đó, trẻ sẽ liên tưởng đến công việc mình đã từng làm, điều đó giúp trẻ hình thành những khái niệm do chính trẻ xây dựng được, và tích cực giao tiếp hơn.

### **2.9. Tạo cơ hội cho trẻ giao lưu, tiếp xúc với cộng đồng để trẻ tự tin trong giao tiếp**

Biện pháp này được thực hiện nhằm phát triển KNGT cho TTK trong cuộc sống hàng ngày. Khi tham gia giao tiếp, trẻ sẽ tự tin hơn, giảm bớt tính nhút nhát, trẻ có thể học hỏi được vốn từ và cách sử dụng từ ngữ vào hoàn cảnh, tình huống phù hợp, đồng thời trẻ sẽ giảm bớt tính nhút nhát.

### **2.10. Phối hợp với phụ huynh để phát triển giao tiếp cho trẻ trong sinh hoạt hàng ngày**

Phát triển KNGT cho TTK chỉ có thể đạt hiệu quả cao khi có sự phối hợp chặt chẽ các biện pháp giáo dục giữa nhà trường và gia đình. Tất cả sự trợ giúp của các chuyên gia và giáo viên sẽ không đạt được hiệu quả cao nếu thiếu sự hợp tác tích cực từ phía gia đình/cha mẹ TTK. Bởi cha mẹ trẻ và những người thân trong gia đình có thời gian gần gũi và hiểu trẻ nhất. Họ có trách nhiệm đối với sự phát triển và tiến bộ của trẻ. Ở gia đình, trẻ có nhiều cơ hội thể hiện, sửa chữa kĩ năng giao tiếp của mình.

### **3. Cách thực hiện các biện pháp khắc phục KNGT cho TTK**

- Khi bắt đầu đưa TTK vào học trường mầm non hoà nhập, nhà trường và gia đình phải phối hợp với các chuyên gia trong lĩnh vực tâm lí, y tế, giáo dục đưa ra những đánh giá ban đầu về mức độ, khả năng giao tiếp của mỗi trẻ. Từ đó, lập kế hoạch cụ thể.

- Cần phải cung cấp một số kiến thức và kĩ năng chăm sóc, giáo dục TTK nói riêng, trẻ khuyết tật nói chung cho GV mầm non. Tập huấn cho giáo viên mầm non cách thức tổ chức, thực hiện các biện pháp trên.

- Tăng cường mối liên hệ giữa cha mẹ - giáo viên - các chuyên gia hỗ trợ để thống nhất các biện pháp can thiệp.

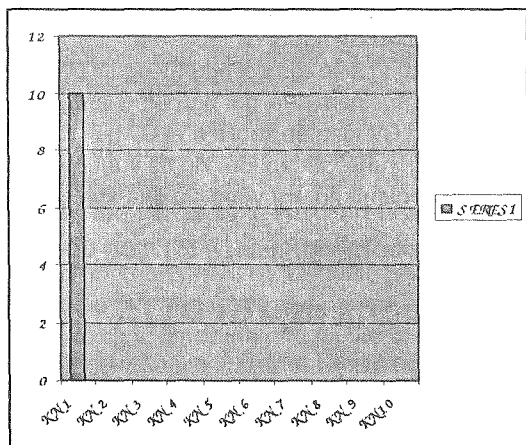
### **4. Kết quả thử nghiệm biện pháp giảm thiểu KNGT trên trẻ tự kỉ**

Việc đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp được chúng tôi nghiên cứu trên 30 trẻ trong thời gian 2 năm tại Trung tâm can thiệp sớm thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm trung ương. Sau đây là kết quả của một

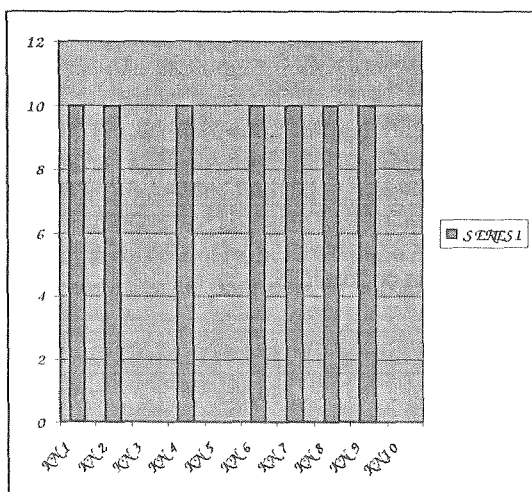
ngiên cứu điển hình về trường hợp bé trai Nguyễn D.A (42 tháng tuổi).

D.A sinh ngày 24/3/2008 tại Hà Nội. Trong quá trình mang bầu, mẹ D.A khoẻ mạnh, em sinh ra bình thường, nặng 4,4 kg, mẹ đẻ mổ. D.A được chăm sóc rất cẩn thận. D.A là TTK có biểu hiện chậm nói, cho tới 2 tuổi rưỡi mới bập bẹ nói, đến 3 tuổi học lớp mẫu giáo bé nhưng D.A chỉ nói được một số từ đơn. Ở lớp, DA ít chơi với các bạn, né tránh giao tiếp, hay đi xung quanh lớp, khi được gọi tên, D.A ít quay lại, thích làm theo ý mình, ít thể hiện cảm xúc. Vốn từ của D.A có khoảng 15 từ. DA biết gọi tên người và đồ vật, dùng từ để chào tạm biệt. KNGT của D.A bước đầu chỉ là sử dụng ngôn ngữ để chào và chia tay. Lĩnh vực giao tiếp của D.A phát triển tương đương trẻ 21 tháng tuổi. Tháng 1/2011, chúng tôi bắt đầu tiến hành nghiên cứu trong 01 tháng và đo được KNGT của D.A như sau:

Biểu đồ 1: KNGT của D.A trước thực nghiệm 1/2011



Biểu đồ 2: KNGT của D.A sau thực nghiệm 5/2011



Ghi chú:

KN 1: sử dụng ngôn ngữ để chào

KN 2: sử dụng ngôn ngữ để yêu cầu

KN 3: tự chủ cảm xúc

KN 4: sử dụng ngôn ngữ để từ chối

KN 5: diễn đạt ngôn ngữ để hiểu

KN 6: luân phiên trong giao tiếp

KN 7: đặt câu hỏi

KN 8: sử dụng ngôn ngữ để nói cảm ơn

KN 9: giao tiếp mắt – mắt

KN 10: sử dụng giới từ để nói về vị trí, trạng thái

Sau 5 tháng thực nghiệm, kết quả thu được rất tích cực. Vốn từ của D.A tăng lên, em đã biết chơi, giao tiếp với cô giáo và các bạn, nhận thức được một số tên gọi đồ vật đơn giản trong thế giới xung quanh. D.A đã thích nghi với môi trường hòa nhập trong lớp học ở trường mầm non, và có thể thích nghi được theo chế độ sinh hoạt hàng ngày.

Hiệu quả phát triển KNGT cho TTK phụ thuộc vào việc áp dụng linh hoạt các biện pháp của GV. Nếu GV có sự thống nhất biện pháp, tôn trọng, quan tâm, yêu thương trẻ, giao tiếp với trẻ mọi lúc mọi nơi, hợp tác với phụ huynh để dạy trẻ thì KNGT của trẻ tăng lên rõ rệt. Mặt khác, hiệu quả của việc sử dụng các biện pháp phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức của cha mẹ. Nếu cha mẹ quan tâm con, dạy con hàng ngày và áp dụng những kiến thức, kỹ năng của giáo viên và nhà chuyên môn chia sẻ thì KNGT của trẻ được hình thành và phát triển. Do vậy, vấn đề nâng cao nhận thức cho gia đình và cha mẹ trẻ sẽ có vai trò rất lớn trong việc phát triển KNGT cho trẻ.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thị Bích Hạnh (2007), *Tự kỉ phát hiện sớm và can thiệp sớm*, NXB Y học.
2. Nguyễn Văn Thành (2006), *Trẻ em tự kỉ và phương thức giáo dục*, NXB Tôn giáo.
3. Võ Nguyễn Tinh Vân (2002), *Nuôi con bị tự kỉ*, NXB Bamboo, Australia.
4. Võ Nguyễn Tinh Vân (2002), *Để hiểu tự kỉ*, NXB Bamboo, Australia.
5. Gary Mesibov & Marie Howley (2003), *Assessing the Curriculum for pupil with Autistic spectrum Disorder*, David Fulton Publishers.
6. Michael D. Powers (2nd Edition 2001), *Children with Autism: A Parent's Guide*.

### SUMMARY

Currently, the number of children with autism in Vietnam and worldwide is on rise. These are children infected with a mix of mental disorders, leading to difficulties in communication, behaviors and community integration. In daily learning activities, children with autism do not know how to communicate orally with teachers, peers and people around. To help teachers and parents overcome difficulties in education for children with autism, the author has proposed some measures for developing communication skills for children with autism in inclusive classrooms of preschools.